

TÁC ĐỘNG CỦA TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TẠI CÁC QUỐC GIA ĐANG PHÁT TRIỂN KHU VỰC CHÂU Á

Trần Thị Phương Thảo

Trường Đại học Ngoại thương

Email: thaotran.fiis@ftu.edu.vn

Đinh Thị Thanh Bình*

Trường Đại học Ngoại thương

Email: binhdt@ftu.edu.vn

Mã bài báo: JED-2906

Ngày nhận: 03/02/2026

Ngày nhận bản sửa: 12/03/2026; 30/03/2026

Ngày duyệt đăng: 08/04/2026

DOI: 10.33301/JED.VI.2906

Tóm tắt:

Nghiên cứu này phân tích tác động của tài chính toàn diện đến tăng trưởng kinh tế với mẫu gồm 23 quốc gia đang phát triển khu vực châu Á trong giai đoạn 2007-2024. Đầu tiên, nghiên cứu tính toán một chỉ số tổng hợp đo lường tài chính toàn diện bằng phương pháp phân tích thành phần chính (PCA). Tiếp đó, nghiên cứu xây dựng mô hình đánh giá tác động của tài chính toàn diện đến tăng trưởng kinh tế, kết quả hồi quy FGLS cho thấy tài chính toàn diện tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đến tăng trưởng kinh tế. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm tăng cường vai trò hỗ trợ tăng trưởng kinh tế của tài chính toàn diện tại các nước đang phát triển châu Á.

Từ khóa: Châu Á, quốc gia đang phát triển, tài chính toàn diện, tăng trưởng kinh tế.

Mã JEL: O16, O47, O53.

The impact of financial inclusion on economic growth in developing countries in ASIA

Abstract:

This study examines the impact of financial inclusion on economic growth using a sample of 23 developing Asian countries over the period 2007-2024. First, a composite financial inclusion index is constructed using the Principal Component Analysis method. Subsequently, an econometric model is employed to assess the impact of financial inclusion on economic growth. The estimation results based on the Feasible Generalized Least Squares method reveal that financial inclusion has a positive and statistically significant effect on economic growth. Based on the findings, several policy implications are proposed to enhance the role of financial inclusion in supporting economic growth in developing Asian countries.

Keywords: Asia, developing countries, economic growth, financial inclusion.

JEL codes: O16, O47, O53

1. Giới thiệu

Trong những năm gần đây, tài chính toàn diện đã trở thành một chủ đề thu hút sự quan tâm đặc biệt trên phạm vi toàn cầu như là một trụ cột quan trọng cho phát triển bền vững (Ozili & cộng sự, 2023). Mục tiêu cốt lõi của tài chính toàn diện là phát triển một hệ thống tài chính có khả năng cung cấp các dịch vụ tài chính phù hợp với chi phí hợp lý cho mọi thành viên trong xã hội. Do đó, tài chính toàn diện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của quốc gia (World Bank, 2025). Trước xu thế đó, các

nước châu Á và đặc biệt là các nền kinh tế đang phát triển trong khu vực đã hình thành những định hướng rõ ràng nhằm đưa tài chính toàn diện trở thành một trụ cột quan trọng trong tiến trình phát triển kinh tế (World Bank, 2025; UNCDF, 2024). Cụ thể, các nước tập trung xây dựng và thực hiện chiến lược quốc gia nhằm mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính chính thức cho mọi nhóm dân cư (OECD, 2021; Loukoianova & cộng sự, 2018).

Cho đến nay, đã có nghiên cứu xem xét ảnh hưởng của tài chính toàn diện đến tăng trưởng kinh tế tại châu Á. Tuy nhiên, các nghiên cứu vẫn tồn tại hạn chế nhất định như: sự thiếu thống nhất và chưa đầy đủ trong cách đo lường tài chính toàn diện, phạm vi không gian nghiên cứu hẹp hoặc giai đoạn nghiên cứu không còn cập nhật. Trong bối cảnh các nước đang phát triển ở châu Á đẩy mạnh triển khai các chương trình nâng cao mức độ tài chính toàn diện như một động lực nhằm bứt phá tăng trưởng kinh tế, việc có thêm các nghiên cứu nhằm bổ sung các bằng chứng thực nghiệm về vai trò của tài chính toàn diện đối với tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia này là cần thiết.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp đo lường mức độ tài chính toàn diện phù hợp với dữ liệu đầy đủ và cập nhật cho nhiều nước trong nhóm quốc gia đang phát triển tại châu Á, từ đó tính toán được chỉ số tài chính toàn diện tổng hợp và thực hiện ước lượng tác động trên quy mô mẫu lớn, nâng cao tính đại diện của nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của bài viết cung cấp thêm bằng chứng về vai trò tích cực của tài chính toàn diện đối với tăng trưởng kinh tế cho các quốc gia đang phát triển khu vực châu Á.

Phần còn lại của bài viết có cấu trúc như sau: Phần 2 trình bày cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu, Phần 3 đề cập đến mô hình nghiên cứu và nguồn dữ liệu, Phần 4 phân tích và thảo luận kết quả nghiên cứu, và Phần 5 dành cho kết luận và đề xuất hàm ý chính sách.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Khái niệm tài chính toàn diện

Một trong những định nghĩa ban đầu về tài chính toàn diện được đề xuất bởi Leyshon & Thrift (1995), cho rằng tài chính toàn diện là quá trình mở rộng khả năng tiếp cận hệ thống tài chính chính thức cho các nhóm xã hội và cá nhân trước đây bị loại trừ tài chính.

Bên cạnh khả năng tiếp cận, nhiều khái niệm được đưa ra cũng nhấn mạnh đến mức độ sử dụng và chất lượng của các dịch vụ tài chính. Điển hình là định nghĩa của Ngân hàng Thế giới, theo đó tài chính toàn diện là trạng thái mà mọi cá nhân và đơn vị kinh doanh đều được đảm bảo khả năng tiếp cận và thực sự sử dụng các công cụ tài chính thiết yếu, tương thích với nhu cầu riêng và với mức chi phí hợp lý, dựa trên cơ sở cung cấp lâu dài và có trách nhiệm của các tổ chức tài chính (World Bank, 2025). Sarma (2008) khẳng định ba khía cạnh bao gồm khả năng tiếp cận, tính sẵn có và mức độ sử dụng của hệ thống tài chính cùng nhau tạo nên tài chính toàn diện.

2.2. Đo lường tài chính toàn diện

Cho đến nay, vẫn chưa có một thước đo thống nhất để đánh giá mức độ tài chính toàn diện giữa các quốc gia (Ifediora & cộng sự, 2022). Về cơ bản, có ba phương pháp đo lường chính, đó là sử dụng các chỉ tiêu riêng lẻ, xây dựng chỉ số tổng hợp theo công thức khoảng cách Euclide do Sarma (2008, 2015) đề xuất, và phương pháp phân tích thành phần chính - PCA (Cámara & Tuesta, 2014).

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả lựa chọn tính toán chỉ số tài chính toàn diện bằng phương pháp PCA vì đây là phương pháp tối ưu nhất trong ba phương pháp. Sarma (2015) chỉ ra rằng tài chính toàn diện có bản chất đa chiều và mỗi chỉ tiêu thành phần có chức năng cung cấp thông tin về một khía cạnh riêng của tài chính toàn diện. Vì vậy, nếu chỉ lựa chọn một số chỉ tiêu đại diện đưa vào mô hình, kết quả sẽ không phản ánh trọn vẹn mức độ tài chính toàn diện. Ngoài ra, việc đưa cùng lúc bộ chỉ tiêu này vào mô hình sẽ có nguy cơ mắc đa cộng tuyến cao. Trong khi đó, phương pháp tính chỉ số tài chính toàn diện tổng hợp theo công thức khoảng cách Euclide do Sarma (2008, 2015) đề xuất có nhược điểm là gán trọng số cho các chỉ tiêu thành phần một cách chủ quan, dựa trên trực giác hoặc phán đoán của nhà nghiên cứu (Cámara & Tuesta, 2014). So với hai phương pháp trên, phương pháp PCA có những ưu điểm vượt trội. Đầu tiên, PCA

cho phép kết hợp nhiều chỉ tiêu trong một chỉ số duy nhất, từ đó giải quyết nguy cơ đa cộng tuyến trong mô hình (Meniago, 2025). Hơn nữa, phương pháp này cho phép gán trọng số cho các chỉ tiêu thành phần dựa trên thông tin nội tại của dữ liệu, do đó đảm bảo tính khách quan và khoa học trong tính toán. Nhiều nghiên cứu tiêu biểu đã áp dụng và khuyến nghị sử dụng phương pháp PCA (Cámara & Tuesta, 2014; Jima & Makoni, 2023).

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp PCA để tính toán chỉ số tài chính toàn diện dựa trên quy trình do Greenacre & cộng sự (2023) và Kumar & cộng sự (2013) khái quát gồm các bước như sau:

2.2.1. Lựa chọn biến

Trước tiên, cần thiết lập khung lý thuyết làm cơ sở cho sự lựa chọn và kết hợp biến. Theo Sarma (2008, 2015), Jima & Makoni (2023) và Thatrsarani & cộng sự (2021), có ba khía cạnh cấu thành tài chính toàn diện đó là mức độ thâm nhập của ngân hàng, khả năng tiếp cận và mức độ sử dụng các dịch vụ.

2.2.2. Chuẩn hóa

Cần chuẩn hóa các biến nhằm đảm bảo mỗi biến đóng góp một cách tương đương vào quá trình phân tích.

2.2.3. Phân tích thành phần chính

Dựa trên ma trận hiệp phương sai của các biến đã chuẩn hóa, có thể tính toán các giá trị riêng và véc tơ riêng. Từ đó xác định thành phần chính thứ nhất mà có thể giải thích được tỷ lệ phương sai lớn nhất của dữ liệu.

2.2.4. Xây dựng chỉ số tổng hợp

Thành phần chính thứ nhất được sử dụng để tính toán chỉ số tổng hợp bằng cách nhân các biến chuẩn hóa với trọng số tương ứng rồi cộng lại:

$$\text{Index}_i = \sum_{j=1}^p w_j z_{ij}$$

Trong đó:

Index_i : chỉ số tổng hợp cho đơn vị quan sát i ;

z_{ij} : giá trị chuẩn hóa của biến thứ j tại quan sát i ;

w_j : trọng số của biến thứ j trong thành phần chính thứ nhất;

p : số biến đầu vào.

Phương pháp chuẩn hóa min-max được thực hiện để đưa giá trị của chỉ số tổng hợp về từ 0 đến 1 nhằm thuận tiện cho việc so sánh và diễn giải. Trong đó, giá trị chỉ số càng cao phản ánh mức độ tài chính toàn diện càng lớn. Ngoài ra, để khẳng định sự thích hợp của PCA, kết quả kiểm định Bartlett bắt buộc phải đạt ngưỡng ý nghĩa thống kê còn chỉ số KMO phải đạt mức trên 0,5.

2.3. Lý thuyết về tác động của tài chính toàn diện đến tăng trưởng kinh tế

Kênh dẫn truyền tác động của tài chính toàn diện đến tăng trưởng kinh tế có thể được khái quát theo hai hướng sau.

Đầu tiên, tài chính toàn diện mang đến cơ hội tiếp cận nguồn tín dụng chi phí thấp dành cho các nhóm dân cư dễ bị tổn thương, tạo điều kiện để họ triển khai các hoạt động sản xuất có tổ chức, từ đó nâng cao tổng sản lượng đầu ra. Phần giá trị gia tăng ở cấp độ cơ sở sẽ tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế ở tầm vĩ mô. Theo cách này, tài chính toàn diện không chỉ giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn góp phần hỗ trợ giảm nghèo ở khu vực nông thôn (Sethi & Acharya, 2018).

Kênh tác động thứ hai diễn ra thông qua hệ thống tài chính, nơi nhóm người yếu thế có thể tiếp cận các sản phẩm bảo hiểm và tiền gửi của ngân hàng. Điều này đồng nghĩa với việc các cá nhân và doanh nghiệp có cơ hội đầu tư nguồn tiết kiệm, qua đó giúp tăng cường hiệu suất tái phân bổ nguồn vốn vào các kế hoạch đầu tư dài hạn. Quá trình này dẫn đến gia tăng sản lượng và việc làm, qua đó nâng cao thu nhập (Claessens & Perotti, 2007).

Về các bằng chứng thực nghiệm, các nghiên cứu có phạm vi không gian nghiên cứu đa dạng. Mohammed

& cộng sự (2024), Ifediora & cộng sự (2022) và Jima & Makoni (2023) sử dụng phương pháp PCA để tính chỉ số tài chính toàn diện và chỉ ra rằng tài chính toàn diện có ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế ở các nước châu Phi. Tác động tích cực này cũng được tìm thấy bởi Kim & cộng sự (2018) và Ali & cộng sự (2020) trong nghiên cứu về các nước Hồi giáo. Ngoài ra, Sethi & Acharya (2018) khai thác dữ liệu của 31 nước trên thế giới và khẳng định tăng trưởng kinh tế trong dài hạn được thúc đẩy bởi tài chính toàn diện. Kết quả tương tự cũng được tìm thấy bởi Trần & cộng sự (2020) với bộ dữ liệu của 97 quốc gia. Đặc biệt, Van & cộng sự (2019) chỉ ra việc tăng mức độ tài chính toàn diện hỗ trợ tăng trưởng kinh tế mạnh hơn tại các quốc gia thu nhập thấp.

Xét về khu vực châu Á nói riêng, Ấn Độ là một trong những nước được các nhà nghiên cứu quan tâm nhiều nhất. Nhìn chung, các nghiên cứu đều chỉ ra tài chính toàn diện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại Ấn Độ với các cách đo lường tài chính toàn diện khác nhau. Cụ thể, Sharma (2016) đánh giá tác động của ba khía cạnh riêng lẻ của tài chính toàn diện bao gồm mức độ thâm nhập, khả năng sẵn có và mức độ sử dụng. Cùng tiếp cận dựa trên ba khía cạnh đó nhưng Singh & cộng sự (2021) dựa trên phương pháp tiếp cận khoảng cách của Sarma (2008) để tính một chỉ số tổng hợp. Trong khi đó, Lenka & Sharma (2017) sử dụng PCA để xây dựng chỉ số tài chính toàn diện của Ấn Độ từ sáu chỉ tiêu thành phần.

Với nghiên cứu về các nước đang phát triển khác tại khu vực châu Á, theo quan sát của nhóm tác giả, đa số các nghiên cứu sử dụng phương pháp PCA để tính chỉ số tài chính toàn diện, tuy nhiên các chỉ tiêu thành phần mà mỗi bài sử dụng có sự khác nhau. Hussain & cộng sự (2024) nghiên cứu về 21 nước châu Á giai đoạn 2004-2019 trong đó có 10 nước đang phát triển. Nghiên cứu ứng dụng phương pháp PCA để tính chỉ số tài chính toàn diện tổng hợp từ 5 chỉ tiêu thành phần bao gồm số lượng ATM, số chi nhánh trung gian tài chính, số ngân hàng, tỷ lệ tín dụng và tiền gửi so với GDP. Kết quả khẳng định tác động tích cực của tài chính toàn diện đến tăng trưởng kinh tế trên tất cả các nhóm mẫu và chỉ ra tác động này có biểu hiện mạnh hơn ở nhóm nước đang phát triển. Nguyễn (2025) báo cáo tác động tích cực của tài chính toàn diện đến phát triển con người tại các nước đang phát triển châu Á giai đoạn 2005-2021. Trong đó, chỉ số tổng hợp đại diện cho tài chính toàn diện được xác định thông qua phương pháp PCA từ 4 chỉ tiêu là số máy ATM, số người vay vốn, số chi nhánh ngân hàng và số tài khoản tiền gửi. Mặt khác, nghiên cứu về 11 nước mới nổi khu vực Nam Á, Đông Á và Thái Bình Dương của Dương & Ngô (2024) giai đoạn 2010 đến 2022 cũng báo cáo tác động tích cực của tài chính toàn diện đến tăng trưởng kinh tế nhưng nghiên cứu này áp dụng công thức của Sarma (2008) để tính toán chỉ số tổng hợp.

Tổng quan các bài nghiên cứu tại châu Á cho thấy một số khoảng trống như sau. Thứ nhất, phương pháp đo lường tài chính toàn diện chưa thống nhất. Một số nghiên cứu sử dụng chỉ tiêu và khía cạnh riêng lẻ mà không tổng hợp chúng thành một chỉ số duy nhất để khái quát hóa bản chất đa chiều của tài chính toàn diện. Một số nghiên cứu tính chỉ số tổng hợp theo công thức khoảng cách Euclide, trong khi hạn chế lớn của cách tính này là gán trọng số cho các chỉ tiêu thành phần dựa trên trực giác hoặc phán đoán của nhà nghiên cứu thay vì đặc điểm của dữ liệu. Một số nghiên cứu sử dụng phương pháp tính PCA nhưng bỏ qua chỉ tiêu tín dụng liên quan đến khu vực tư nhân mà đây là khu vực đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế (Thatsarani & cộng sự, 2021). Thứ hai, phạm vi không gian của một số nghiên cứu còn hẹp, chưa phản ánh đầy đủ bức tranh toàn diện của các nước đang phát triển ở châu Á. Thứ ba, phạm vi thời gian phân tích trong các nghiên cứu về các nước châu Á chưa được cập nhật.

Dựa vào những lý luận nêu trên, bài viết đề xuất giả thuyết nghiên cứu sau:

Giả thuyết 1: Tài chính toàn diện có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển khu vực châu Á.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu xây dựng mô hình hồi quy ước lượng tác động của tài chính toàn diện đến tăng trưởng kinh tế nhằm kiểm định giả thuyết 1 trên cơ sở tham khảo mô hình nghiên cứu của Kim & cộng sự (2018) và Ali & cộng sự (2020).

Mô hình nghiên cứu có dạng tổng quát như sau:

$$\ln GDP_{it} = \beta_0 + \beta_1 FI_{it} + \beta_2 INF_{it} + \beta_3 TRADE_{it} + \beta_4 POP_{it} + \beta_5 UNEMP_{it} + \beta_6 GOVEXPEND_{it} + \varepsilon_{it}$$

Trong đó:

i: đại diện cho các quốc gia nghiên cứu;

t: năm nghiên cứu;

β_0 : hệ số chặn;

β_k : hệ số góc (k nhận giá trị từ 1 đến 6);

ε_{it} : sai số ngẫu nhiên.

3.1.1. Biến phụ thuộc

$\ln GDP_{it}$: là logarit tự nhiên của tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người của quốc gia i năm t.

3.1.2. Biến độc lập

FI_{it} : chỉ số tài chính toàn diện tổng hợp của quốc gia i vào năm t.

Dựa trên cơ sở lý luận, các bước xây dựng chỉ số tài chính toàn diện bằng phương pháp PCA trong nghiên cứu này được thực hiện theo quy trình như sau:

Bước 1: Lựa chọn và chuẩn hóa các chỉ tiêu thành phần

Bài viết lựa chọn sử dụng năm chỉ tiêu thành phần để tính toán FI đại diện cho ba khía cạnh phản ánh mức độ tài chính toàn diện là mức độ thâm nhập, khả năng tiếp cận và mức độ sử dụng. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả bổ sung chỉ tiêu tín dụng trong nước dành cho khu vực tư nhân nhằm phản ánh vai trò và tiềm năng đóng góp của khu vực tư nhân trong quá trình phát triển kinh tế mà các nghiên cứu đi trước không đề cập đến (Thatsarani & cộng sự, 2021).

Bảng 1. Các chỉ tiêu đo lường tài chính toàn diện

Khía cạnh	Chỉ tiêu	Ký hiệu	Nguồn số liệu	Nghiên cứu tham khảo
Mức độ thâm nhập	Tín dụng trong nước dành cho khu vực tư nhân (% GDP)	z_incredit	WDI	Thatsarani & cộng sự (2021), Van & cộng sự (2019)
Khả năng tiếp cận	Số lượng máy rút tiền tự động (ATM) trên 100.000 người trưởng thành	z_inatm	IMF FAS	Sarma (2008, 2015), Kim & cộng sự (2018), Sethi & Acharya (2018), Van & cộng sự (2019), Singh & cộng sự (2021)
	Số lượng chi nhánh ngân hàng thương mại trên 100.000 người trưởng thành	z_inbank		
Mức độ sử dụng	Tổng dư nợ cho vay tại các ngân hàng thương mại (% GDP)	z_inloan		Sarma (2008), Sharma (2016), Ifediora & cộng sự (2022)
	Tổng tiền gửi tại các ngân hàng thương mại (% GDP)	z_indeposit		

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp.

Sau khi logarit hóa nhằm giảm độ lệch của dữ liệu, bước tiếp theo là chuẩn hóa các chỉ tiêu này bằng phương pháp Z-score (Thatsarani & cộng sự, 2021).

Bước 2: Tìm giá trị riêng và véc tơ riêng từ ma trận hiệp phương sai

Thành phần chính thứ nhất (Comp1) được lựa chọn để xây dựng chỉ số tổng hợp FI vì có giá trị riêng lớn nhất (3,092), giải thích được 61,8% phương sai tổng thể.

Bước 3: Xây dựng công thức tính toán chỉ số tài chính toàn diện tổng hợp (FI)

Chỉ số tài chính toàn diện được tính bằng cách nhân các biến chuẩn hóa với trọng số tương ứng của Comp1:

$$FI = (0,414 z_lnatm) + (0,200 z_lnbank) + (0,535 z_lnloan) + (0,456 z_lndeposit) + (0,543z_lncredit)$$

Cuối cùng phép chuẩn hóa min-max được sử dụng để đưa chỉ số FI về giá trị từ 0 đến 1. Ngoài ra, chỉ số Kaiser-Meyer-Olkin (KMO) bằng 0,7407 và kiểm định Bartlett cho kết quả p-value < 0,05 khẳng định việc áp dụng PCA đối với bộ dữ liệu là phù hợp.

Bảng 2 trình bày kết quả 5 giá trị riêng được sắp xếp theo thứ tự giảm dần để xác định thành phần chính thứ nhất ở bước 2, đồng thời thể hiện các trọng số phản ánh mức độ đóng góp của từng biến thành phần được sử dụng để tính toán chỉ số tổng hợp ở bước 3.

Bảng 2. Kết quả phân tích thành phần chính

a. Giá trị riêng của ma trận					
Thành phần	Giá trị riêng	Hiệu số	Tỷ lệ giải thích	Tích lũy	
Comp1	3,092	1,912	0,618	0,618	
Comp2	1,181	0,725	0,236	0,855	
Comp3	0,456	0,277	0,091	0,946	
Comp4	0,179	0,088	0,036	0,982	
Comp5	0,092	.	0,018	1,000	

b. Trọng số thành phần					
Biến	Comp1	Comp2	Comp3	Comp4	Comp5
z_inatm	0,414	0,415	-0,738	0,303	0,141
z_inbank	0,200	0,781	0,583	0,097	-0,043
z_inloan	0,535	-0,109	0,104	-0,599	0,576
z_indeposit	0,456	-0,435	0,323	0,690	0,153
z_incredit	0,543	-0,132	-0,025	-0,254	-0,789

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán bằng Stata.

3.1.3. Các biến kiểm soát

INF_{it}: tỷ lệ lạm phát của quốc gia i năm t. Lạm phát ở mức độ hợp lý có thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế qua các kênh đầu tư, tiết kiệm và kích cầu. Mặt khác, lạm phát cao làm biến dạng giá tương đối, dẫn đến việc nguồn lực bị phân bổ kém hiệu quả và đầu tư bị kìm hãm (Fischer, 1993).

TRADE_{it}: độ mở thương mại của quốc gia i năm t. Theo lý thuyết lợi thế so sánh, hội nhập thương mại sẽ tạo cơ hội cho quốc gia chuyên môn hóa trong những lĩnh vực có lợi thế về nguồn lực sản xuất, từ đó quy mô và năng lực sản xuất được nâng cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Krueger, 1978).

POP_{it}: tốc độ tăng dân số của quốc gia i năm t. Lý thuyết của Malthus và mô hình Solow cho rằng dân số tăng làm giảm thu nhập bình quân đầu người. Ngược lại, các lý thuyết tăng trưởng hiện đại cho rằng quy mô dân số lớn mở rộng hoạt động nghiên cứu và phát triển, thúc đẩy đổi mới công nghệ, qua đó hiệu quả kinh tế được cải thiện (Romer, 1990).

UNEMP_{it}: tỷ lệ thất nghiệp của quốc gia i năm t. Theo định luật Okun, thất nghiệp tác động ngược chiều đến tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, nhiều nghiên cứu cũng cung cấp bằng chứng thực nghiệm về tác động tiêu cực của thất nghiệp đến tăng trưởng kinh tế.

GOVEXPEND_{it}: chi tiêu tiêu dùng cuối cùng của chính phủ quốc gia i năm t. Trường phái Keynes cho rằng chi tiêu công có thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua việc mở rộng tổng cầu. Ngược lại, các lý thuyết cổ điển và tân cổ điển cho rằng chi tiêu công quá mức có thể gây hiệu ứng lấn át và kìm hãm tăng trưởng (Nyasha & Odhiambo, 2019).

3.2. Dữ liệu

Nhằm mở rộng phạm vi phân tích so với các nghiên cứu trước đây tại châu Á và nâng cao tính khái quát của kết quả đối với nhóm nước đang phát triển, nghiên cứu tối đa quy mô mẫu dựa trên sự đầy đủ về dữ liệu của các biến. 23 quốc gia được phân tích là Armenia, Azerbaijan, Bangladesh, Campuchia, Trung Quốc,

Georgia, Ấn Độ, Indonesia, Iraq, Jordan, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Lebanon, Malaysia, Mông Cổ, Nepal, Pakistan, Philippines, Thái Lan, Timor-Leste, Thổ Nhĩ Kỳ, Uzbekistan và Việt Nam với giai đoạn nghiên cứu từ 2007 đến 2024. Mặc dù Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) bắt đầu công bố dữ liệu về tài chính toàn diện từ năm 2004, nhưng chỉ từ năm 2007 trở đi các chỉ tiêu mới được thống kê tương đối đầy đủ. Dữ liệu của biến phụ thuộc là GDP bình quân đầu người, cùng với các biến kiểm soát bao gồm tỷ lệ lạm phát, độ mở thương mại, tốc độ tăng dân số, tỷ lệ thất nghiệp và chỉ tiêu tiêu dùng của chính phủ được thu thập từ cơ sở dữ liệu World Development Indicators (WDI) của Ngân hàng Thế giới (WB). Trong khi đó, các chỉ tiêu thành phần dùng để tính toán chỉ số tài chính toàn diện được thu thập từ nguồn Financial Access Survey (FAS) do IMF công bố.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Có ba loại mô hình thường được sử dụng trong phân tích dữ liệu bảng, đó là mô hình bình phương nhỏ nhất gộp (POLS), mô hình tác động ngẫu nhiên (REM) và mô hình tác động cố định (FEM) (Hill & cộng sự, 2018). Nhóm tác giả thực hiện các kiểm định để lựa chọn được mô hình phù hợp nhất như sau.

Đầu tiên, kiểm định Breusch-Pagan Lagrange Multiplier được thực hiện nhằm lựa chọn giữa mô hình POLS và REM. Kết quả p-value = 0,000 hàm ý rằng có tồn tại yếu tố tác động bảng không quan sát được và không thay đổi theo thời gian, do đó REM phù hợp hơn POLS. Tiếp theo, kiểm định Hausman được áp dụng để lựa chọn giữa REM và FEM. Nếu yếu tố tác động bảng có mối quan hệ với biến độc lập thì FEM được lựa chọn và ngược lại. Kết quả kiểm định với giá trị p-value = 0,6447 cho thấy mô hình REM là lựa chọn tốt hơn.

Tiếp theo, nghiên cứu thực hiện các kiểm định lỗi của mô hình. Kết quả kiểm định Breusch-Pagan với p-value = 0,000 cho thấy mô hình mắc vấn đề phương sai sai số thay đổi. Ngoài ra, kiểm định Wooldridge với kết quả p-value = 0,000 cho thấy mô hình có tồn tại vấn đề tự tương quan. Để khắc phục hai lỗi này, bài viết áp dụng phương pháp hồi quy Bình phương tối thiểu tổng quát khả thi (Feasible generalized least squares - FGLS).

Bảng 3. Kết quả ước lượng mô hình

lnGDP	Coefficient	Std. err.	z	P>z	[95% conf. interval]	
FI	1,375***	0,201	6,820	0,000	0,980	1,770
INF	-0,002*	0,001	-1,740	0,082	-0,003	0,000
TRADE	0,003***	0,001	4,210	0,000	0,001	0,004
POP	-0,018**	0,007	-2,370	0,018	-0,032	-0,003
UNEMP	-0,008	0,006	-1,250	0,211	-0,021	0,005
GOVEXPEND	-0,017***	0,002	-7,800	0,000	-0,022	-0,013
cons	7,207***	0,160	44,910	0,000	6,892	7,521

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán bằng Stata.

Kết quả ước lượng ủng hộ giả thuyết của nghiên cứu. Hệ số hồi qui của biến số FI có giá trị dương và có ý nghĩa thống kê ở mức 1% chứng tỏ việc nâng cao mức độ tài chính toàn diện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển khu vực châu Á. Tác động tích cực này đồng nhất với cơ sở lý thuyết được ủng hộ bởi nhiều nghiên cứu đi trước như Lenka & Sharma (2017), Dương & Ngô (2024) và Hussain & cộng sự (2024).

Xét các biến số kiểm soát, phần lớn các biến có ý nghĩa thống kê và có dấu tác động như kỳ vọng. Cụ thể, hội nhập thương mại thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khi đó sự gia tăng về dân số, chi tiêu tiêu dùng công và lạm phát kim hãm tăng trưởng kinh tế.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Bài viết nghiên cứu tác động của tài chính toàn diện đến tăng trưởng kinh tế với mẫu gồm 23 quốc gia đang phát triển khu vực châu Á trong giai đoạn 2007-2024. Kết quả cho thấy tài chính toàn diện có vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển châu Á.

Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm tăng cường vai trò của tài chính

toàn diện đối với tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển ở châu Á. Thứ nhất, các chính phủ cần triển khai chương trình giáo dục tài chính thống nhất và theo lộ trình dài hạn như một chiến lược quốc gia nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng để tiếp cận, sử dụng và quản lý các sản phẩm tài chính hiệu quả cho người dân. Thứ hai, các nước cần xây dựng chiến lược phân bổ mạng lưới tài chính hợp lý theo vùng miền, trong đó khuyến khích mở mới hoặc nâng cấp các điểm giao dịch tại những khu vực đang có mức độ phổ cập thấp, địa hình phức tạp và dân cư phân bố thưa thớt. Thứ ba, các quốc gia nên ứng dụng công nghệ tài chính để triển khai các giải pháp thanh toán qua điện thoại di động và dịch vụ tư vấn tài chính cá nhân tích hợp trên điện thoại thông minh. Cuối cùng, chính phủ nên ban hành quy định cho phép các đơn vị tài chính vi mô mở rộng mạng lưới, từ đó giúp người dân có thêm lựa chọn, giảm sự phụ thuộc vào tín dụng phi chính thức.

Nghiên cứu có một số đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn. Thứ nhất, nghiên cứu có đóng góp mới về phương pháp nghiên cứu. So với các bài nghiên cứu trước đây, bài viết đã bổ sung thêm chỉ tiêu tín dụng trong nước dành cho khu vực tư nhân (% GDP) vào bộ chỉ tiêu tính chỉ số toàn diện nhằm phản ánh được vai trò và tiềm năng đóng góp của khu vực tư nhân trong quá trình đầu tư và phát triển kinh tế. Thứ hai, nghiên cứu bổ sung thêm bằng chứng thực nghiệm về vai trò tích cực của tài chính toàn diện với bộ dữ liệu đầy đủ hơn và cập nhật hơn. Bài viết có phạm vi nghiên cứu được mở rộng với mẫu gồm 23 quốc gia đang phát triển tại châu Á và khoảng thời gian nghiên cứu được cập nhật đến năm 2024. Nhờ đó, các kết luận rút ra có tính khái quát cao hơn đối với nhóm các nước đang phát triển trong khu vực và phản ánh chính xác hơn bối cảnh kinh tế hiện tại.

Tuy nhiên, nghiên cứu còn tồn tại một số hạn chế khách quan. Cụ thể, một số chỉ tiêu tài chính toàn diện phổ biến khác như số lượng tài khoản hay số người vay vốn không được sử dụng do thiếu hụt dữ liệu. Bên cạnh đó, khi nguồn dữ liệu cho phép, việc nghiên cứu về tài chính toàn diện kỹ thuật số thông qua các chỉ tiêu về dịch vụ tiền di động, ví điện tử hay ngân hàng số là một hướng nghiên cứu mới phù hợp với thời đại chuyển đổi số hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Ali, M., Hashmi, S.H., Nazir, M.R., Bilal, A. & Nazir, M.I. (2020). Does financial inclusion enhance economic growth? Empirical evidence from the IsDB member countries. *International Journal of Finance & Economics*, 26(4), 5235-5258.
- Cámara, N. & Tuesta, D. (2014). *Measuring financial inclusion: A multidimensional index* (BBVA Research Paper No. 14/26). BBVA.
- Claessens, S. & Perotti, E. (2007). Finance and inequality: Channels and evidence. *Journal of Comparative Economics*, 35(4), 748-773. <https://doi.org/10.1016/j.jce.2007.07.002>
- Dương, N.H. & Ngô, T.H. (2024). Tác động của tài chính số tới tăng trưởng kinh tế tại các nền kinh tế mới nổi khu vực Châu Á: Vai trò điều tiết của tài chính toàn diện. *Tạp Chí Kinh Tế - Luật và Ngân Hàng*, 266(7), 13-25. <https://doi.org/10.59276/jelb.2024.07cd.2744>
- Fischer, S. (1993). The role of macroeconomic factors in growth. *Journal of Monetary Economics*, 32(3), 485-512. [https://doi.org/10.1016/0304-3932\(93\)90027-D](https://doi.org/10.1016/0304-3932(93)90027-D)
- Greenacre, M., Groenen, P.J.F., Hastie, T., d'Enza, A.I., Markos, A. & Tuzhilina, E. (2023). Principal component analysis. *Nature Reviews Methods Primers*, 2(1), 100.
- Hill, R.C., Griffiths, W.E. & Lim, G.C. (2018). *Principles of econometrics*. John Wiley & Sons.
- Hussain, S., Rehman, A. Ur., Ullah, S., Waheed, A. & Hassan, S. (2024). Financial inclusion and economic growth: Comparative panel evidence from developed and developing Asian countries. *SAGE Open*, 14(1). <https://doi.org/10.1177/21582440241232585>

-
- Ifediora, C., Offor, K.O., Eze, E.F., Takon, S.M., Ageme, A.E., Ibe, G.I. & Onwumere, J.U.J. (2022). Financial inclusion and its impact on economic growth: Empirical evidence from sub-Saharan Africa. *Cogent Economics & Finance*, 10(1). <https://doi.org/10.1080/23322039.2022.2060551>
- Jima, M.D. & Makoni, P.L. (2023). Financial inclusion and economic growth in Sub-Saharan Africa—A panel ARDL and Granger non-causality approach. *Journal of Risk and Financial Management*, 16(6), 299-299. <https://doi.org/10.3390/jrfm16060299>
- Kim, D.W., Yu, J.S. & Hassan, M.K. (2018). Financial inclusion and economic growth in OIC countries. *Research in International Business and Finance*, 43, 1-14. <https://doi.org/10.1016/j.ribaf.2017.07.178>
- Krueger, A.O. (1978). *Foreign trade regimes and economic development: Liberalization attempts and consequences*. National Bureau of Economic Research, Inc.
- Kumar, M., Ahmad, T., Rai, A. & Sahoo, P.M. (2013). Methodology for construction of composite index. *Indian Agricultural Statistics Research Institute*, 9(2), 639-647.
- Lenka, S.K. & Sharma, R. (2017). Does financial inclusion spur economic growth in India?. *The Journal of Developing Areas*, 51(3), 215-228. <https://doi.org/10.1353/jda.2017.0069>
- Leyshon, A. & Thrift, N. (1995). Geographies of financial exclusion: Financial abandonment in Britain and the United States. *Transactions of the Institute of British Geographers*, 20(3), 312. <https://doi.org/10.2307/622654>
- Loukoianova, E., Yang, Y., Guo, S., Hunter, L., Jahan, S., Jamaludin, F. & Schauer, J. (2018). Financial Inclusion in Asia-Pacific. *Departmental Papers / Policy Papers*, 18(17), 1.
- Meniago, C. (2025). Digital financial inclusion and economic growth: The moderating role of institutions in SADC countries. *International Journal of Financial Studies*, 13(1), 4. <https://doi.org/10.3390/ijfs13010004>
- Mohammed, S.S., Kassem, G.M. & Ali, M. (2024). Financial inclusion, institutional quality and economic growth in Sub-Saharan African countries. *Energy Research Letters*, 5(Early View). <https://doi.org/10.46557/001c.77903>
- Nguyễn, T.M.L. (2025). Tác động của tài chính toàn diện đến phát triển con người: nghiên cứu trường hợp các quốc gia đang phát triển tại châu Á. *Tạp Chí Kinh Tế và Phát Triển*, 334(2). <https://doi.org/10.33301/jed.vi.2259>
- Nyasha, S. & Odhiambo, N.M. (2019). The impact of public expenditure on economic growth: A review of international literature. *ProQuest*, 19(2), 81-101. <https://doi.org/10.2478/fofi-2019-0015>
- OECD (2021). *Digitalisation and Finance in Asia*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/dad32d34-e>
- Ozili, P.K., Ademiju, A. & Rachid, S. (2023). Impact of financial inclusion on economic growth: review of existing literature and directions for future research. *International Journal of Social Economics*, 50(8). <https://doi.org/10.1108/ijse-05-2022-0339>
- Romer, P.M. (1990). Endogenous technological change. *Journal of Political Economy*, 98(5), S71-S102. <https://doi.org/10.1086/261725>
- Sarma, M. (2008). *Index of financial inclusion* (Working Paper No. 215). New Delhi: Indian Council for Research on International Economic Relations.
- Sarma, M. (2015). Measuring financial inclusion. *Economics Bulletin*, 35(1), 604-611.
- Sethi, D. & Acharya, D. (2018). Financial inclusion and economic growth linkage: some cross-country evidence. *Journal of Financial Economic Policy*, 10(3), 369-385. <https://doi.org/10.1108/jfep-11-2016-0073>
- Sharma, D. (2016). Nexus between financial inclusion and economic growth. *Journal of Financial Economic Policy*, 8(1), 13-36. <https://doi.org/10.1108/jfep-01-2015-0004>
- Singh, B.P., Kumari, A., Sharma, T. & Malhotra, A. (2021). Financial inclusion, Pradhan Mantri Jan Dhan Yojna Scheme and economic growth: Evidence from Indian States. *Economic Notes*, 50(3). <https://doi.org/10.1111/ecno.12186>
- Thathsarani, U., Wei, J. & Samaraweera, G. (2021). Financial inclusion's role in economic growth and human capital

-
- in South Asia: An econometric approach. *Sustainability*, 13(8), 4303. <https://doi.org/10.3390/su13084303>
- Trần, T.T.H., Nguyễn, V.H., Nguyễn, T.Q. & Đoàn, Đ.G. (2020). Tác động của tài chính toàn diện và các nhân tố khác đến tăng trưởng kinh tế. *Tạp Chí Khoa Học & Đào Tạo Ngân Hàng*, 223(2020).
- UNCDF (2024). *ASEAN Monitoring Progress 2023: Financial Inclusion*. United Nations Capital Development Fund. <https://asean.org/wp-content/uploads/2023/04/ASEAN-Monitoring-Progress-2022-UNCDF.pdf>
- Van, L.T.H., Vo, A.T., Nguyen, N.T. & Vo, D.H. (2019). Financial inclusion and economic growth: A International evidence. *Emerging Markets Finance and Trade*, 57(1), 1-25. <https://doi.org/10.1080/1540496x.2019.1697672>
- World Bank (2025). *Financial inclusion*. <https://www.worldbank.org/en/topic/financialinclusion/overview#1>

*** Tác giả liên hệ: Đinh Thị Thanh Bình. Email: binhdt@ftu.edu.vn**